

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm,  
khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông  
trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2020/NĐ-CP, ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng bờ bãi sông;*

*Căn cứ Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BXD ngày 06/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;*

*Căn cứ văn bản số 9361/UBND-CN ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đồng ý chủ trương lập đề cương nhiệm vụ khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1392/TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Tên nhiệm vụ: Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Cơ quan thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa.

3. Mục tiêu: Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông nhằm phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ, sử dụng

tài nguyên khoáng sản hợp lý và khoa học; đồng thời, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến các khu vực đã bị sạt, lở và có nguy cơ tiếp tục sạt, lở, khu vực bờ sông không ổn định, khu vực có tầm quan trọng trong việc đảm bảo sự ổn định an toàn của bờ sông, an toàn cho các công trình quốc phòng an ninh, khu đô thị, khu dân cư, công trình đê điều, thủy lợi, giao thông và các khu vực có thể gia tăng nguy cơ gây sạt lở.

#### 4. Đối tượng nghiên cứu, phạm vi thực hiện:

##### 4.1. Đối tượng nghiên cứu:

a) Các đối tượng được quy định tại Điều 28, Luật Khoáng sản năm 2010, các quy định của pháp luật về thủy lợi, đê điều, giao thông thủy nội địa, quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Khu vực cấm hoạt động khoáng sản bao gồm: Đất có di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật di sản văn hóa; đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ, khu bảo tồn địa chất; đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc nếu tiến hành hoạt động khoáng sản có thể gây ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

- Khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản gồm: Đất yêu cầu về quốc phòng, an ninh; đất bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản.

b) Các đối tượng được quy định tại Khoản 2 và 3, Điều 13, Nghị định số 23/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng bờ bãi sông.

- Các khu vực sau đây được khoanh định là khu vực cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông:

- + Khu vực đang bị sạt, lở;

- + Khu vực đã bị sạt, lở và có nguy cơ tiếp tục bị sạt, lở;

- + Khu vực bờ sông không ổn định, có nguy cơ sạt, lở;

- + Khu vực khác có tầm quan trọng trong việc bảo đảm sự ổn định, an toàn của bờ sông; khu vực có công trình quốc phòng an ninh, khu đô thị, khu dân cư, khu vực có công trình đê điều, thủy lợi, giao thông, cấp thoát nước, quan trắc, giám sát và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác mà việc khai thác cát, sỏi lòng sông có thể làm gia tăng nguy cơ mất ổn định bờ sông do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

- Các khu vực dưới đây được khoanh định là khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông:

- + Yêu cầu về quốc phòng, an ninh;
- + Bảo tồn thiên nhiên, di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đang được Nhà nước xem xét, công nhận hoặc phát hiện trong quá trình thăm dò, khai thác khoáng sản;
- + Phòng, tránh, khắc phục hậu quả thiên tai;
- + Khu vực liền kề với khu vực quy định tại Khoản 2, Điều 13, Nghị định số 23/2020/NĐ-CP, ngày 24/02/2020 của Chính phủ quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng bờ bãi sông mà việc khai thác cát, sỏi trên sông có thể làm gia tăng nguy cơ gây sạt, lở;
- + Khu vực khác do Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định để bảo đảm yêu cầu phòng, chống sạt, lở bờ sông.

#### 4.2. Phạm vi thực hiện:

Khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên 22 huyện, thị, thành phố (trừ 5 huyện, thị xã gồm: thị xã Bỉm Sơn, huyện Đông Sơn, huyện Triệu Sơn, huyện Như Thanh và huyện Như Xuân do không có cát sỏi lòng sông).

#### 5. Phương pháp, khối lượng thực hiện: Theo phụ lục kèm theo.

- Công tác tổng hợp, thống kê số liệu.
- Công tác khảo sát, điều tra thực địa, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động cát, sỏi lòng sông.
- Công tác văn phòng, tổng kết viết báo cáo.
- Công tác chỉ đạo, phối hợp, công tác hội thảo.

#### 6. Sản phẩm thực hiện:

Sản phẩm Nhiệm vụ được giao nộp phục vụ cho công tác quản lý (04 bộ) gồm:

- Phần lời:
  - + Thuyết minh báo cáo
  - + Các văn bản pháp lý có liên quan (đóng kèm báo cáo).
  - + Hệ thống phụ lục (đóng kèm báo cáo).
- Phần bản vẽ:
  - + Bản đồ tổng thể toàn tỉnh: tỷ lệ 1/100.000, 4 mảnh.
  - + Bản đồ chi tiết: trên 22 huyện, thị xã, thành phố, tỷ lệ (1/10.000 - 1/25.000 - 1/50.000): 22 mảnh (trừ 5 huyện, thị xã gồm: thị xã Bỉm Sơn, huyện Đông Sơn, huyện Triệu Sơn, huyện Như Thanh và huyện Như Xuân do không có cát sỏi lòng sông).

7. Nguồn vốn: Nguồn sự nghiệp môi trường trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2020.

8. Thời gian thực hiện: 12 tháng kể từ ngày dự toán được phê duyệt.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ nội dung đề cương, nhiệm vụ được phê duyệt, tổ chức lập dự toán chi tiết, trình thẩm định, phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Giao Sở Tài chính căn cứ theo đề cương nhiệm vụ được phê duyệt, dự toán chi tiết do Sở Tài nguyên và Môi trường lập, tổ chức thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ “Khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; tham mưu, báo cáo UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện.

**Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.**

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Chủ tịch UBND các huyện, thị, thành phố có liên quan; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT Lê Đức Giang;
- Lưu: VT, CN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Đức Giang**

**Phụ lục: KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC THỰC HIỆN**  
*(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày       /01/2021*  
*của Chủ tịch UBND tỉnh)*

| STT       | Dạng công việc                                                                                                            | Đơn vị               |
|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>I</b>  | <b>Xây dựng nhiệm vụ và lập dự toán</b>                                                                                   |                      |
| 1         | Xây dựng đề cương, nhiệm vụ                                                                                               |                      |
| 2         | Lập dự toán theo đề cương, nhiệm vụ                                                                                       |                      |
| <b>II</b> | <b>Công tác tổng hợp, thống kê số liệu</b>                                                                                |                      |
| <b>1</b>  | <b>Công tác thu thập, thống kê số liệu, xây dựng bản đồ</b>                                                               |                      |
| 1.1       | Thu thập, thống kê số liệu của tỉnh, Sở, Ban, Ngành                                                                       | 01 tháng             |
| 1.2       | Thu thập, thống kê số liệu của các huyện, thị, thành phố                                                                  | 03 tháng             |
| 1.3       | Mua, khai thác thông tin dữ liệu bản đồ                                                                                   | 26 mảnh              |
| 1.4       | Xây dựng bản đồ tổng hợp dạng số                                                                                          | 26 mảnh              |
| <b>2</b>  | <b>Công tác khảo sát thực địa, khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông.</b>          |                      |
| 2.1       | Khảo sát, khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông (diện tích từ trên 0 ha đến 10 ha) | 96 khu vực           |
| 2.2       | Khảo sát, khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khai thác cát, sỏi lòng sông (diện tích từ trên 10ha đến 50 ha) | 77 khu vực           |
| 2.3       | Công tổng hợp lập bản đồ tổng thể tỷ lệ 1/100.000                                                                         | 01 tháng             |
| <b>3</b>  | <b>Công tác văn phòng, tổng kết viết báo cáo</b>                                                                          |                      |
| 3.1       | Tổng kết viết báo cáo                                                                                                     |                      |
| 3.2       | In báo cáo, bản đồ xin ý kiến Sở, Ban, Ngành                                                                              | 12 Cuốn              |
| 3.3       | In báo cáo, bản đồ xin ý kiến huyện, thị. TP                                                                              | 22 Cuốn              |
| 3.4       | Báo cáo, gửi hồ sơ xin ý kiến các Bộ, ngành liên quan                                                                     | Dự kiến 10 Bộ, ngành |
| 3.5       | Tổng hợp chỉnh sửa các ý kiến và tổ chức hội nghị bảo vệ đề cương; báo cáo UBND tỉnh trình Thủ Tướng phê duyệt            |                      |
| 3.6       | Nộp lưu trữ                                                                                                               | 04 cuốn              |
| <b>4</b>  | <b>Hội nghị thẩm định, nghiệm thu, công bố</b>                                                                            |                      |
| -         | Thẩm định đề cương, nhiệm vụ, dự toán                                                                                     | Hội nghị             |
| -         | Nghiệm thu bảo vệ báo cáo                                                                                                 | Hội nghị             |
| -         | Hội nghị công bố quyết định                                                                                               | Hội nghị             |